ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 94 /2026/QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 27 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD;

Căn cứ Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới; xe máy chuyên dùng; phụ tùng xe cơ giới; thiết bị an toàn cho trẻ em;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 82/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

b) Quyết định số 85/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

c) Quyết định số 43/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quy định hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

d) Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VP4.

Tudd_VP4_38.QĐ.QPPL.2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 94 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, theo quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và đơn vị kinh doanh vận chuyển hành khách công cộng trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xe vệ sinh môi trường* là phương tiện chuyên dùng được sử dụng để hoạt động vệ sinh môi trường, vận chuyển chất thải từ nơi tập kết, lưu giữ đến nơi xử lý, bao gồm: Xe cuốn ép rác, xe chở rác, xe quét rác, xe quét đường hút bụi, xe phun nước rửa đường, xe chở rác thùng rời, xe hút bùn, xe hút bể phốt, hút chất thải.

2. *Xe phục vụ mục đích công cộng* gồm: xe thư báo, xe bảo trì, sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ, điện lực, hệ thống chiếu sáng, trang trí, viễn thông, xe sửa chữa ống nước, chăm sóc cây xanh trong đô thị.

3. *Phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật* là xe có hệ thống thiết bị nâng, hạ phục vụ người khuyết tật lên, xuống xe, có chỗ ngồi ưu tiên cho người khuyết tật hoặc sự trợ giúp phù hợp với đặc điểm của người khuyết tật.

4. *Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị* là hoạt động do tổ chức, cá nhân sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ trong phạm vi đô thị.

Chương II
HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải bảo đảm thông suốt, trật tự, an toàn và hiệu quả; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54 và Điều 55 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và các quy định của pháp luật khác có liên quan; tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị của lực lượng chức năng, cơ quan có thẩm quyền để phục vụ nhiệm vụ khác, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

2. Phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị phải tuân thủ các điều kiện về phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Điều 56 Luật Đường bộ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Người điều khiển phương tiện hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và phải chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy tắc giao thông đường bộ, các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

4. Những hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ phải được phát hiện kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và Điều 17 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

3. Chạy đúng tuyến, lịch trình, tần suất, thời gian hoạt động và được dừng đón, trả khách tại các điểm dừng xe buýt theo lộ trình tuyến, phương án khai thác tuyến đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công bố.

4. Xe buýt được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, nhà ga, bến cảng, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại, đầu mối giao thông và các địa điểm kết nối với các phương thức vận tải khác và được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị, theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

3. Xe ô tô sử dụng để vận tải trung chuyển hành khách phải đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

Điều 7. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe taxi tham gia hoạt động kinh doanh vận tải khách phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và quy định tại Điều 25 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

3. Xe taxi được đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả hành khách.

4. Xe taxi được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, nhà ga, bến cảng, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại và được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị, theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

Điều 8. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng; hoạt động vận tải hành khách bằng xe trung chuyển

1. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng

a) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và quy định tại Điều 30 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT;

c) Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và lái xe phải thực hiện đúng quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP;

d) Trừ trường hợp cấp cứu người hoặc phục vụ các nhiệm vụ khẩn cấp như thiên tai, địch họa theo yêu cầu của lực lượng chức năng, xe ô tô vận chuyển hành khách theo hợp đồng không được đón, trả khách ngoài các địa điểm ghi trong hợp đồng, theo quy định tại khoản 9 Điều 7 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

2. Vận tải hành khách bằng xe trung chuyển

a) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Xe ô tô sử dụng để trung chuyển hành khách phải đáp ứng các quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và các quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

Điều 9. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe chở hàng phải hoạt động đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.

3. Trường hợp xe chở hàng hóa siêu trường, siêu trọng, xe lưu thông vượt quá tải trọng quy định của biển báo hiệu đường bộ, xe cần thiết phải lưu thông trong đô thị ngoài thời gian cho phép lưu thông được quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này thì phải phải có Giấy phép lưu hành xe (hoặc văn bản chấp thuận) do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

4. Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng các quy định tại Điều 33 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

Điều 10. Hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách và xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hàng hóa

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách, hàng hóa theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 34 và tại Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Phải đáp ứng các quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

Điều 11. Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải rời, xe ô tô chở vật liệu xây dựng cho các công trường xây dựng trong đô thị; hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô và bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; dịch vụ cứu hộ giao thông

1. Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải rời, xe ô tô chở vật liệu xây dựng cho các công trường xây dựng trong đô thị

a) Xe vệ sinh môi trường và xe ô tô chở phế thải rời, xe ô tô chở vật liệu xây dựng phải được che phủ kín, không để rơi vãi trên đường trong suốt quá trình vận chuyển trong đô thị;

b) Trường hợp để rơi vãi vật liệu xây dựng, phế thải rời xuống đường thì đơn vị vận tải và người lái xe phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn ngay và đồng thời có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường.

2. Hoạt động vận tải nội bộ (bao gồm chở người nội bộ và chở hàng nội bộ) bằng xe ô tô và xe bốn bánh có gắn động cơ phải tuân thủ theo các nguyên tắc, quy định của pháp luật khi tham gia giao thông và thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này đối với xe ô tô chở người nội bộ và khoản 3 Điều 12 của Quy định này đối với xe ô tô chở hàng nội bộ.

3. Dịch vụ cứu hộ giao thông phải tuân thủ các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 54 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Điều 12. Thời gian và phạm vi hoạt động

1. Xe ô tô đưa đón cán bộ, nhân viên, công nhân, học sinh, sinh viên (xe ô tô chở người nội bộ) được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, xe ô tô buýt, xe taxi, xe trung chuyển được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị, trừ các tuyến đường, đoạn đường có cắm biển báo cấm hoặc hạn chế hoạt động theo giờ, đồng thời phải tuân thủ theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

3. Xe ô tô chở hàng hóa (bao gồm xe ô tô kinh doanh vận tải và xe ô tô chở hàng nội bộ) có khối lượng hàng chuyên chở cho phép (xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường đô thị không bị cấm lưu thông, nhưng phải chấp hành hiệu lệnh của cảnh sát giao thông, hiệu lệnh biển báo hiệu đường bộ tuyến đường đó; tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị của địa phương, đồng thời phải tuân thủ quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy định này và hoạt động theo thời gian được quy định như sau:

a) Xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg được hoạt động 24/24 giờ;

b) Xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 10.000 kg, không được phép hoạt động trong khoảng thời gian từ 06 giờ 00 phút đến 08 giờ 00 phút và từ 16 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút hàng ngày;

c) Xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 10.000 kg chỉ được phép lưu thông vào khoảng thời gian từ 22 giờ 00 phút tối ngày hôm trước đến 06 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau.

4. Xe máy chuyên dùng (trừ xe máy chuyên dùng có bánh xích và các loại xe đặc chủng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ) được phép hoạt động trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm lưu thông, trừ khoảng thời gian từ 06 giờ 00 phút đến 08 giờ 00 phút và từ 16 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút hằng ngày.

5. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị; trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông.

6. Xe máy chuyên dùng khi hoạt động trong công trường phải có biển báo hiệu giới hạn phạm vi công trường, phải bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình đường bộ khi di chuyển. Không được phép hoạt động trong khoảng thời gian từ 06 giờ 00 phút đến 08 giờ 00 phút và từ 16 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút hàng ngày.

7. Xe cứu hộ giao thông được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị.

8. Trong tình trạng khẩn cấp (thiên tai, địch họa, dịch bệnh) có quy định cụ thể tại thời điểm đó thì thực hiện theo các quy định đó.

9. Xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách và xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hàng hóa, xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về thời gian và phạm vi hoạt động.

Chương III
TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Điều 13. Phương tiện vận chuyển hành khách công cộng để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách công cộng theo tuyến cố định, xe buýt phải có chỗ ưu tiên cho người khuyết tật, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

2. Các phương tiện phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng (QCVN 82:2024/BGTVT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố (QCVN 10:2024/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT.

3. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng phải thực hiện lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh đối với các phương tiện theo yêu cầu, chỉ đạo tại các Quyết định, chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Tỷ lệ (%) phương tiện vận chuyển hành khách bằng xe buýt bảo đảm có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, cụ thể:

a) Đến hết năm 2030 phải có ít nhất 5,0% trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến (tối thiểu phải có 01 xe trên tuyến);

b) Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 1,0% tỷ lệ phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

c) Sau năm 2035, tối thiểu phải đạt 10,0% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến.

2. Trường hợp phương tiện không có thiết bị hỗ trợ thì nhân viên phục vụ có trách nhiệm giúp đỡ cho người khuyết tật lên, xuống xe.

Điều 15. Lộ trình thực hiện

1. Đối với các xe buýt đang khai thác các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh mà chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Quy định này thì được phép hoạt động đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030; kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2031 trở đi, phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Quy định này.

2. Đối với các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đăng ký để được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hoạt động sau ngày Quy định này có hiệu lực thì phải có ít nhất 01 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật đáp ứng quy định tại Điều 13 của Quy định này, sau đó phải tuân thủ lộ trình thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Quy định này.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định hiện hành;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai, tổ chức phổ biến, tuyên truyền Quy định này để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, tổ chức thực hiện theo quy định;

c) Tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đối với các đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm của đơn vị vận tải, lái xe theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và Quy định này;

d) Chủ trì tổ chức thực hiện phương án phân luồng giao thông trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý đảm bảo tuân thủ quy định tại Chương II Quy định này; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện phương án phân luồng giao thông trên các tuyến đường bộ trong đô thị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân các xã, phường;

đ) Tham mưu quy hoạch đô thị đảm bảo quỹ đất xây dựng hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị;

e) Hướng dẫn, triển khai việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông trong đô thị, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng;

g) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông, tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ theo quy định hiện hành và theo Quy định này;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác tổ chức giao thông, bảo đảm an toàn giao thông trong đô thị và các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh;

c) Kết nối, chia sẻ thông tin về xử phạt vi phạm hành chính đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô cho Sở Xây dựng để phối hợp quản lý.

3. Sở Du lịch

a) Tuyên truyền, hướng dẫn và yêu cầu các đơn vị kinh doanh du lịch, lữ hành thực hiện nghiêm việc vận chuyển khách du lịch đến tham quan tại các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh, đồng thời phổ biến để các đơn vị biết và thực hiện nghiêm các nội dung có liên quan tại Quy định này;

b) Phối hợp Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác tổ chức, quản lý vị trí đón, trả khách cho xe hợp đồng, tại các điểm tham quan du lịch, di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các Sở, ngành có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện Quy định này, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn, triển khai quy hoạch sử dụng đất xây dựng hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị;

b) Chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát công tác bảo vệ môi trường hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Xây dựng để xây dựng các phần mềm ứng dụng như: Ứng dụng tìm xe buýt, ứng dụng trên thiết bị di động..., nhằm cung cấp thông tin cho người dân có thể tra cứu các thông tin về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

7. Sở Văn hóa và Thể thao

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị để biết và thực hiện có hiệu quả Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức thực hiện phương án phân luồng giao thông trên các tuyến đường bộ trong đô thị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo tuân thủ quy định tại Chương II Quy định này;

c) Bố trí quỹ đất, nguồn vốn của địa phương để đầu tư xây dựng các vị trí đón, trả khách đối với các tuyến xe buýt có lộ trình đi qua địa bàn; các vị trí đón, trả khách cho xe taxi trên các tuyến đường do địa phương quản lý;

d) Bố trí vị trí tập kết rác thải tập trung, đảm bảo thuận lợi cho việc bốc rác thải lên xe nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và an toàn giao thông;

đ) Tổng hợp, báo cáo việc triển khai Quy định này tại địa phương và tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn về Sở Xây dựng khi có yêu cầu.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị vận tải

1. Thực hiện nghiêm các nội dung được quy định tại Quy định này, quy định về hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo lộ trình quy định tại Điều 14 Quy định này.

3. Trang bị cho phương tiện vận tải hành khách của đơn vị thùng rác mini và túi nylon, kiểm soát hành vi xả thải của hành khách trên xe không để gây ô nhiễm môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân hiểu rõ các quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và chính sách hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận giao thông công cộng.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Khi các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.